

Sở GD&ĐT TP Đà Nẵng  
 Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển  
 Tổ: Ngữ văn, KHBD khối 12  
 GV: Phạm Thị Hà  
 Ngày soạn: 5/4/2026  
 Ngày dạy: Tuần 31

Tiết 99

**ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II-12**  
 Năm học: 2025 – 2026

**A. MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**1. MA TRẬN**

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc	Thơ hiện đại.	5	2	15%	2	20%	1	5%	
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận văn học(thơ)	1	10%		5%		5%		20%
		Viết thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm	1	15%		5%		20%		40%
<b>Tỉ lệ</b>				<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>30%</b>		<b>100</b>
<b>Tổng</b>			<b>7</b>	<b>100%</b>						

**2. BẢNG ĐẶC TẢ .**

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
I	<b>ĐỌC HIỂU</b>	Thơ hiện đại.	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định nhân vật trữ tình.</li> <li>- Tìm từ ngữ, hình ảnh có trong văn bản.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.</li> <li>- Hiểu được nội dung, nghệ thuật trong văn bản...</li> </ul> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rút ra được bài học, thông điệp cho bản thân.</li> <li>- Nêu được quan điểm, nhận thức riêng của cá nhân.</li> </ul>	2	2	1	40
II	<b>LÀM VĂN</b>	1. Viết đoạn nghị luận văn học (thơ)	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu được vấn đề nghị luận.</li> <li>- Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b> Diễn giải về nội dung của vấn đề cần nghị luận.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các</p>				20

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			thao tác lập luận để làm rõ vấn đề nghị luận. <b>Vận dụng cao:</b> - Đánh giá được đặc sắc nội dung của đoạn thơ - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
		2. Viết thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm	<b>Nhận biết:</b> Viết đúng thể thức thư trao đổi và đảm bảo bố cục của một văn bản nghị luận. - Xác định được đối tượng nhận thư - Xác định được nội dung trao đổi trong bức thư là công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm. <b>Thông hiểu:</b> - Hiểu được mục đích viết thư và vấn đề chính trình bày - Trình bày tường minh, có cách triển khai phù hợp với mục đích và đối tượng. - Thể hiện được cảm xúc, tình cảm phù hợp với đối tượng/mục đích đề cập trong thư <b>Vận dụng:</b> - Vận dụng ngôn ngữ, lời văn trang trọng hoặc thân mật - Vận dụng các yếu tố hỗ trợ <b>Vận dụng cao:</b>				40

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để làm rõ vấn đề. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.				
<b>Tỉ lệ</b>				<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>30%</b>	<b>100%</b>
<b>Tổng</b>				<b>100%</b>			

phần: Đọc hiểu và Viết (Làm văn)

\* **Phần I: Đọc hiểu (4.điểm)**

### **C. ÔN TẬP:**

1. Hình thức bài thi: tự luận

2. Thời gian: 90 phút

3. Cấu trúc đề gồm :

\* **Phần I. 4,0 điểm ):**

- **Ngữ liệu :** văn bản thơ hiện đại

- **Yêu cầu:**

+ Cần đọc, tham khảo các tác phẩm thơ hiện đại

+ Cần rèn luyện kĩ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi ở các mức độ nhận biết và thông hiểu, vận dụng

\* **Phần II: Viết (6,0 điểm):**

**1. Nghị luận văn học (2đ)**

- *Về kiến thức:*

+ Kiến thức là một đoạn văn bản thơ về nội dung, nghệ thuật

- *Về kĩ năng: yêu cầu HS nắm được:*

+ Kĩ năng viết một đoạn văn nghị luận phân tích, đánh giá nội dung, nghệ thuật văn bản thơ

+ Dung lượng: 150 chữ

**2. Viết thư (4đ)**

- *Về kiến thức:*

+ Kiến thức là một vấn đề xã hội

+ Phạm vi: Về ứng xử tuổi trẻ với bạn bè.

- *Về kĩ năng: yêu cầu HS nắm được:*

+ Kĩ năng viết một bức thư về việc ứng xử với bạn bè.

+ *Dung lượng: 600 chữ*

## **II. HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI .**

Bố cục bài viết gồm ba phần:

<b>Mở bài:</b>	Nêu công việc hoặc vấn đề cần trao đổi
<b>Thân bài:</b>	-Triển khai các nội dung phù hợp mục đích viết thư -Sử dụng yếu tố hỗ trợ tùy thuộc vào mục đích thư
<b>Kết bài:</b>	Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi, thể hiện mong muốn.

### III.ĐỀ THAM KHẢO

#### I.ĐỌC HIỂU(4,0 điểm)

Tuổi thơ con có những gì  
Có con cười với mặt tre trong hầm  
Có làn gió sớm vào thăm  
Có ông trăng rằm sơ tán cùng con  
Sông dài, biển rộng, ao tròn  
Khói bom đạn giặc, sao hôm cuối trời  
Ba tháng lầy, bảy tháng ngồi  
Con chơi với đất, con chơi với hầm  
Mong ngày, mong tháng, mong năm  
Một năm con vịn vách hầm con đi

( Trích *Tuổi thơ của con*, Xuân Quỳnh, Thơ và đời, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1998,Tr95)

**Đọc văn bản sau:**

**Câu 1.** Xác định nhân vật trữ tình trong đoạn thơ.

**Câu 2.** Theo đoạn thơ, tuổi thơ của “con” gắn liền với những hình ảnh, sự vật nào?

**Câu 3.** Phân tích tác dụng biện pháp tu từ câu sau:

Sông dài, biển rộng, ao tròn  
Khói bom đạn giặc, sao hôm cuối trời

**Câu 4.** Nhận xét sự vận động mạch cảm xúc của nhân vật “con” trong đoạn thơ.

**Câu 5.** Thông điệp sâu sắc nhất mà tác giả gửi gắm qua đoạn thơ là gì?

#### PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

**Câu 1: (2,0 điểm)** Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích hình ảnh tuổi thơ trong đoạn thơ từ văn bản phân Đọc hiểu.

**Câu 2:(4,0 điểm)** Viết một bức thư (khoảng 200 chữ) gửi cho bạn thân để trao đổi về việc sử dụng mạng xã hội của học sinh hiện nay.

## **GỢI Ý**

### **I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Câu 1.** Nhân vật trữ tình là “ ”

**Câu 2.** Tuổi thơ của “con” gắn liền với những hình ảnh: hầm trú ẩn, đất, tre, gió sớm, trăng rằm, sông dài, biển rộng, khói bom đạn → vừa gần gũi thiên nhiên, vừa khắc nghiệt chiến tranh.

**Câu 3.** Tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ:

- Phép liệt kê, đối (hs chọn 1...)

- Tác dụng:

+ Làm bức tranh trở nên sinh động, gợi hình

+ Giúp mở ra một không gian rộng lớn, phong phú, từ gần (ao) đến xa (biển, trời),

+ Qua đó, tác giả thể hiện tuổi thơ vừa hồn nhiên, gắn với thiên nhiên, vừa phải sống trong hoàn cảnh chiến tranh gian khổ, gợi cảm xúc xót xa nhưng cũng trân trọng vẻ đẹp và sức sống.

**Câu 4.** Mạch cảm xúc vận động:

- Từ việc tái hiện tuổi thơ trong hầm (khó khăn, thiếu thốn).
- Đến những niềm vui giản dị, hồn nhiên.
- Cuối cùng là sự lớn lên trong gian khổ (biết đi trong hầm, mong chờ thời gian).  
→ Thể hiện quá trình trưởng thành trong chiến tranh.

**Câu 5.** Thông điệp:

Dù sống trong hoàn cảnh chiến tranh khắc nghiệt, tuổi thơ vẫn có thể hồn nhiên, kiên cường và giàu nghị lực; từ đó nhắc nhở chúng ta trân trọng hòa bình và những điều bình dị trong cuộc sống.

### **II. VIẾT (6,0 điểm)**

**Câu 1:**

**MĐ:** Giới thiệu vấn đề: hình ảnh tuổi thơ của “con” trong hoàn cảnh chiến tranh đầy gian khổ trong đoạn thơ...

**Thân đoạn (4–5 ý chính):**

- Hoàn cảnh tuổi thơ đặc biệt: Gắn với “hầm”, “đất” → không gian sống chật hẹp, nguy hiểm.

- Vẻ đẹp hồn nhiên, trong sáng: “mặt tre”, “gió sớm”, “trăng rằm” → thiên nhiên như bạn bè.

- Sự đối lập làm nổi bật chiến tranh: Thiên nhiên rộng lớn ↔ “khói bom đạn giặc” → hiện thực khốc liệt.

- Sự trưởng thành sớm: “chơi với đất”, “vịn vách hầm con đi” → lớn lên trong gian khổ.

**Nghệ thuật (có thể thêm):** Hình ảnh giản dị, giàu sức gợi, giọng điệu vừa hồn nhiên vừa xót xa.

**KĐ:** Đánh giá

**Câu 2:**

**Phần đầu thư:**

- Địa điểm, thời gian (ví dụ: Đà Nẵng, ngày... tháng... năm...).
- Lời chào: (Bạn A thân mến!)

### **Phần nội dung chính:**

- a. Lí do viết thư:
    - Hỏi thăm ngắn gọn.
    - Nêu mục đích: trao đổi về việc sử dụng mạng xã hội của học sinh hiện nay.
  - b. Thực trạng:
    - Học sinh sử dụng mạng xã hội phổ biến.
    - Có biểu hiện lạm dụng, nghiện, sao nhãng học tập.
  - c. Phân tích:
    - Mặt tích cực: kết nối, học tập, giải trí.
    - Mặt tiêu cực: mất thời gian, ảnh hưởng học tập, tiếp cận thông tin xấu.
  - d. Quan điểm bản thân:
    - Cần sử dụng mạng xã hội hợp lí, có chọn lọc.
  - e. Đề xuất/giải pháp:
    - Giới hạn thời gian.
    - Ưu tiên học tập.
    - Tự kiểm soát và sử dụng vào mục đích tốt.
- ### **3. Phần cuối thư:**
- Lời nhắn nhủ bạn.
  - Lời chúc.
  - Kí tên (Bạn của cậu/ Mình/ ...).